

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
HUYỆN TƯ NGHĨA
(BỔ SUNG)**



Tư Nghĩa, năm 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
HUYỆN TƯ NGHĨA
(BỔ SUNG)



Ngày 19 tháng 4 năm 2023

SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG
TỈNH QUẢNG NGÃI

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Trung

Ngày 13 tháng 4 năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Vinh

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá của quốc gia; là tư liệu sản xuất đặc biệt, giới hạn về diện tích, hình thể nhưng mức độ sản xuất lại phụ thuộc vào sự đầu tư, hướng khai thác sử dụng của con người. Đất đai, thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, địa bàn phân bố và nơi diễn ra mọi hoạt động kinh tế, văn hoá xã hội, an ninh và quốc phòng.

Nhận thức tầm quan trọng của công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đối với quản lý và sử dụng đất đai, UBND huyện Tư Nghĩa đã tiến hành lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Quy hoạch sử dụng đất và được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 09/9/2021. Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã góp phần quan trọng để huyện hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đặt ra.

Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022. Tuy nhiên, dựa trên nhu cầu sử dụng đất trong năm 2023 của các cấp, các ngành trên địa bàn huyện. UBND huyện xây dựng: **“Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Tư Nghĩa (bổ sung)”** nhằm xác định lại diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện, cấp xã trong năm kế hoạch. Đồng thời xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án và diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đối với các loại đất phải xin phép theo đúng quy định.

1. Căn cứ pháp lý thực hiện:

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Tư Nghĩa;
- Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Cơ sở dữ liệu lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (bổ sung)

- Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa được phê duyệt theo quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi;

- Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tư Nghĩa được phê duyệt theo quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 huyện Tư Nghĩa được phê duyệt theo quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022;

- Nhu cầu sử dụng đất bổ sung năm 2023.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1 . Khái quát về điều kiện tự nhiên

1.1.1. Điều kiện tự nhiên:

1.1.1.1. Vị trí địa lý:

Huyện Tư Nghĩa là huyện đồng bằng cách trung tâm của tỉnh (Thành phố Quảng Ngãi) khoảng 5 km và cách Khu kinh tế Dung Quất 40 km về phía Nam, được giới hạn bởi sông Trà Khúc ở phía Bắc và sông Vệ ở phía Nam, có các giới cận:

- Phía Tây giáp : Huyện Sơn Hà.
- Phía Nam giáp : Huyện Nghĩa Hành và huyện Minh Long.
- Phía Bắc giáp : Thành phố Quảng Ngãi và huyện Sơn Tịnh.
- Phía Đông giáp : Thành phố Quảng Ngãi và huyện Mộ Đức.

Với tuyến quốc lộ 1A và đường sắt Bắc - Nam chạy qua, đồng thời nằm trong vùng ảnh hưởng của Khu kinh tế Dung Quất và thành phố Quảng Ngãi, Tư Nghĩa có điều kiện thuận lợi cho việc khai thác những thế mạnh về tiềm năng đất đai, lao động, giao lưu trao đổi hàng hóa, thu hút vốn đầu tư nước ngoài,... Tạo động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hoà nhập vào xu thế phát triển chung của tỉnh và khu vực miền Trung - Tây nguyên.

1.1.1.2. Địa hình, địa mạo:

Huyện Tư Nghĩa có các loại địa hình như núi, gò đồi, đồng bằng. Địa hình thấp dần từ Tây sang Đông và nghiêng dần xuống triền sông Trà Khúc với ba dạng địa hình chính:

- Dạng địa hình đồi núi trung bình ở phía Tây Nam của huyện, có độ cao từ 150 - 250 m, chiếm 23,80% tổng diện tích toàn huyện. Địa hình đồi núi cao có độ dốc tương đối lớn, lớp phủ thực vật kém nên khả năng xói mòn mạnh. Dạng địa hình này phân bố ở các xã Nghĩa Sơn và một phần ở xã Nghĩa Thắng, Nghĩa Thuận.

- Dạng địa hình đồi núi thấp phía Tây Bắc, có độ cao trung bình từ 15 - 25 m so với mực nước biển, chiếm 34,80% tổng diện tích toàn huyện, phân bố ở các xã: Nghĩa Lâm, Nghĩa Thắng, Nghĩa Thuận, Nghĩa Kỳ và Nghĩa Điền. Trong khu vực địa hình này có nhiều cánh đồng bằng nhỏ xen kẽ tạo điều kiện cho việc đa dạng hóa các loại hình sản xuất nông lâm nghiệp.

- Dạng địa hình đồng bằng nằm phía Đông Nam, có độ cao trung bình từ 2-5 m, chiếm 41,40% tổng diện tích toàn huyện, phân bố ở các xã và thị trấn còn lại.

1.1.1.3. Khí hậu:

Huyện Tư Nghĩa nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình, nền nhiệt độ cao (nhiệt độ trung bình ở đồng bằng là 25,9⁰C, vùng núi là 22,2⁰C) và ít biến động, mưa nhiều. Chế độ ánh sáng, mưa, ẩm phong phú gồm 2 tiểu vùng khí hậu là vùng đồng bằng và vùng núi. Nền nhiệt độ vùng núi thường thấp hơn vùng đồng bằng, thời gian xuất hiện sương mù ở vùng núi cũng muộn hơn vùng đồng bằng.

- Nhiệt độ: Các tháng có nhiệt độ cao nhất từ tháng 3 đến tháng 8 (cao nhất là các tháng 6, 7, 8). Nhiệt độ tối cao là 35-38⁰C. Nhiệt độ thấp nhất là khoảng 12,5⁰C vào tháng 11 đến tháng 12 và tháng 1 năm sau.

- Tổng số giờ nắng khoảng 2.343 giờ/năm.

- Lượng mưa trung bình năm ở đồng bằng là 2.772 mm, vùng núi là 2.850 mm và phân bố không đồng đều trong năm. Mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau, lượng mưa chiếm khoảng 70 - 80% tổng lượng mưa năm.

Bảng 1: Đặc điểm thời tiết, khí hậu huyện Tư Nghĩa

Chỉ tiêu	Đơn vị	Đồng bằng	Vùng núi
1. Nhiệt độ trung bình	C	25,9	22,2
2. Lượng mưa trung bình	m	2.772	2.850
3. Lượng bốc hơi	m	1.220	1.210
4. Độ ẩm tương đối	%	83	85
5. Thời gian xuất hiện sương mù	Tháng	Tháng giêng - tháng ba	Tháng giêng - tháng tư

Nhìn chung, Tư Nghĩa có khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều, số giờ nắng trong năm khá cao, thuận lợi cho phát triển nhiều loại cây trồng và vật nuôi. Tuy nhiên với lượng mưa lớn, lại tập trung theo mùa nên thường gây lũ lụt và ngập úng vào mùa mưa, hạn hán vào mùa khô, đất thường bị sa bồi ở khu vực đồng bằng và xói mòn rửa trôi ở khu vực đồi núi. Mặt khác, ảnh hưởng của các cơn bão từ Biển Đông đổ vào thường gây thiệt hại đến tính mạng và tài sản của nhân dân cũng như ảnh hưởng đến giao thông, thủy lợi và sản xuất nông - lâm - thủy sản.

1.1.1.4. Thủy văn:

Địa hình Tư Nghĩa tạo nên mạng lưới sông suối khá dày đặc phân bố đều trên khắp các vùng trong huyện.

Các sông chính trong huyện là: Sông Trà Khúc, sông Vệ, sông Bàu Giang, sông Cây Bứa và các suối Đà Sơn, suối Tó, ... Ngoài ra còn có hệ thống kênh mương Thạch Nham và hệ thống kênh mương nội đồng bổ sung và dự trữ nguồn nước ngọt rất quan trọng, đặc biệt là vào mùa khô hạn.

Tuy nhiên do sông suối chảy qua huyện ngắn, dốc, lòng hẹp và nông, nên không đủ lưu vực thoát nước nhanh, lượng nước chảy xiết gây xói lở, thường xảy ra lũ lụt và ngập úng vào mùa mưa.

1.1.2. Các nguồn tài nguyên:

1.1.2.1. Tài nguyên đất:

Theo kết quả điều tra, khảo sát của Viện nghiên cứu quy hoạch nông nghiệp, nông thôn dự án “Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất lần đầu” năm 2021 thì huyện Tư Nghĩa gồm có 6 nhóm đất chính như sau:

* Nhóm cồn cát và bãi cát ven sông:

Được phân bố ven hạ lưu sông Trà Khúc, Sông Vệ thành từng dải ven bờ tập trung ở các xã Nghĩa Lâm, Nghĩa Thắng, Nghĩa Thuận, Nghĩa Hiệp, TT Sông Vệ.

Loại đất này được hình thành do sự lắng đọng của phù sa tại đầu nguồn Sông Vệ đổ về.

* Nhóm đất mặn ít trung bình: Loại đất này thuộc vùng cửa sông tiếp giáp với biển, ít chịu ảnh hưởng trực tiếp từ nước biển, chủ yếu ở xã Nghĩa Hòa.

* Nhóm đất phù sa (F1):

- Đất phù sa được bồi hàng năm (ký hiệu Pb)

Đất phù sa được bồi hàng năm được hình thành do sự bồi đắp của phù sa nhưng khác với các loại đất phù sa trong cùng nhóm là hàng năm do phân bố ở các bãi thấp ven sông nên vẫn bị ngập lụt, mỗi lần ngập lụt khi nước rút đi để lại một lượng phù sa. Lượng phù sa nhiều hay ít, lớp phủ dày hay mỏng phụ thuộc vào mức độ ngập lụt hàng năm và thời gian ngập lụt kéo dài. Tính chất vật lý cũng như hoá học của các đất phù sa không có sự khác biệt nhiều, đất có thành phần cơ giới nhẹ, tầng dày, độ phì tự nhiên khá, đất ít chua, độ bão hoà bazo lớn. Đất chưa chịu ảnh hưởng của quá trình thoái hoá.

- Đất phù sa glây (Pg)

Đất phù sa glây cũng được hình thành do quá trình bồi tụ của phù sa sông nhưng do phân bố ở địa hình thấp hoặc trũng nên đọng nước quanh năm chủ yếu ở các xã như Nghĩa Trung, Nghĩa Điền, Nghĩa Mỹ.

- Đất phù sa có tầng loang lỗ đỏ vàng (Pf)

Hình thành do sự bồi đắp của phù sa sông nhưng đã thoát ly quá trình bồi tụ, loại đất này đã chịu tác động của quá trình xói mòn, rửa trôi.

- Đất phù sa ngòi suối:

Hình thành do quá trình bồi tụ phù sa suối tạo thành những dải hẹp ven các suối ở các xã miền núi (Nghĩa Lâm, Nghĩa Sơn, Nghĩa Thắng). Tuy nhiên do lòng suối nhỏ, khi mưa lớn, các bãi thấp bị ngập úng nhưng trong điều kiện tốc độ dòng chảy lớn, các vật liệu mịn bị cuốn theo dòng nước đi xa chỉ để lại vật liệu thô, rất ít phần tử mịn như sét. Các phần tử thô như cát, mảnh đá, viên cuội là những sản phẩm của các đồi núi hay thềm cao xô xuống.

* Nhóm đất xám

- Đất xám trên đá mác ma axit và đá cát (Xa)

Đất được hình thành tại chỗ hay dốc tụ trên sản phẩm phong hóa của đá giàu thạch anh, nghèo sắt như granit, các loại đá cát như sa thạch, sạn kết, dăm cuội kết nhưng không còn mang đặc trưng của đất đỏ vàng và có màu xám hoặc xám hơi sáng là chủ đạo, không có tầng loang lỗ đỏ vàng hoặc tầng glây ở độ sâu 0-125 cm.

- Đất xám bạc màu trên đá mác ma axit và đá cát (Ba)

Đất được hình thành tại chỗ hay dốc tụ trên sản phẩm phong hóa của đá giàu thạch anh, nghèo sắt như granit, đá cát nhưng không còn mang đặc trưng của đất đỏ vàng nên có màu xám sáng là chủ đạo, xuống các tầng sâu hơi xám, không có tầng loang lỗ đỏ vàng hoặc tầng glây ở độ sâu 0-125 cm.

* Nhóm đất đỏ vàng

- Đất vàng đỏ trên đá granit (Fa)

Đất được hình thành trên đá mẹ granit. Đây là loại đá mác ma axit có hàm lượng SiO₂ cao với trên 60%, khi phong hoá cho đất có thành phần cơ giới nhẹ, độ dày tầng đất mịn rất biến động trong điều kiện phân bố ở địa hình đồi núi dốc, đỉnh nhọn, chia cắt lớn nên đất chịu sự tác động mạnh của quá trình rửa trôi, xói mòn.

- Đất vàng nhạt trên đá cát (Fq)

Đất được hình thành do quá trình phong hoá của sa thạch, quắc zit, dăm cuội kết... có màu chủ đạo là vàng nhạt và mang đặc trưng của nhóm đất đỏ vàng nên khác biệt với đất xám. Thành phần cơ giới thường là cát pha hoặc thịt nhẹ. Tầng đất mỏng, kết cấu kém.

- Đất nâu vàng trên phù sa cô (Fp)

Đất được hình thành từ sản phẩm bồi tích của phù sa sông kỷ đệ tứ nhưng do biến động về địa chất nên những loại đất này thường có địa hình gò đồi, lượn sóng nhẹ. Đất có quá trình tích lũy sắt nhôm điển hình nên cũng có đặc trưng của nhóm đất đỏ vàng và màu chủ đạo là màu nâu vàng.

* Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá:

Đất được hình thành tại chỗ do sản phẩm phong hoá của các loại đá mẹ khác nhau nhưng dưới tác động của xói mòn, rửa trôi hiện nay độ dày tầng đất mịn chỉ còn nhỏ hơn 10 cm, dưới lớp đất mịn là đá được xếp vào đất xói mòn trơ sỏi đá. Nhóm đất này tương ứng với nhóm đất tầng mỏng (Leptosols) của FAO/WRB. Tuy nhiên, cần lưu ý nhóm tầng mỏng của FAO/WRB bao gồm cả đất có tầng <30 cm.

Đất xói mòn trơ sỏi đá là loại đất có vấn đề, phân bố trên nhiều dạng địa hình khác nhau nhưng đa phần là đồi hoặc núi, không còn rừng, chủ yếu là cỏ, cây bụi.

1.1.2.2. Tài nguyên nước: Nước là nguồn tài nguyên đặc biệt quan trọng, là thành phần thiết yếu của sự sống và môi trường, quyết định sự tồn tại, phát triển bền vững của quốc gia.

* Nguồn nước mặt:

Nguồn nước mặt của huyện Tư Nghĩa khá dồi dào được cung cấp bởi hệ thống các sông Trà Khúc, sông Vệ, sông Bàu Giang, sông Cây Bứa và các suối Đà Sơn, suối Tó, kênh chính Nam chảy qua. Nguồn nước trên địa bàn huyện được điều tiết bởi kênh chính Nam cùng với việc đầu tư, nâng cấp hệ thống kênh mương thủy lợi phục vụ tưới tiêu nên cơ bản đã giải quyết được nguồn nước cho sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

* Nguồn nước ngầm:

Tư Nghĩa là nơi có nguồn nước khá phong phú, mực nước ngầm có độ sâu từ 2 - 4 m, thuận tiện cho việc đào giếng lấy nước sạch phục vụ sinh hoạt nhân dân trong vùng.

1.1.2.3. Tài nguyên rừng:

Diện tích đất lâm nghiệp của huyện là 5.944,37 ha. Trong đó, rừng sản xuất có diện tích 3.427,57 ha, rừng phòng hộ có diện tích 2.516,8 ha.

Rừng phòng hộ hiện còn chủ yếu trên địa hình núi, độ dốc lớn. Trong rừng chủ yếu là cây lấy gỗ và củi, các loại cây đặc sản và động vật quý hiếm hầu như không còn. Thảm thực vật mỏng, chủ yếu là rừng tái sinh và tầng cây cỏ bụi.

Trong những năm qua huyện đã quan tâm thực hiện quản lý sử dụng đất rừng và giao đất trồng rừng cho người dân quản lý, chăm sóc nhằm tạo công ăn việc làm và nâng cao đời sống của nhân dân.

1.1.2.4 Tài nguyên nhân văn

Lịch sử hình thành vùng đất và con người Tư Nghĩa gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của tỉnh Quảng Ngãi và vùng Nam Trung Bộ. Với những nét văn hoá đặc sắc, các dân tộc sinh sống ở Tư Nghĩa đã tạo nên một nền văn hoá phong phú, đa dạng và đặc sắc.

Quảng Ngãi trước đây vốn là một trong những trung tâm tiếp nhận và truyền bá phật giáo của miền Trung, vì vậy ở đây có nhiều ngôi chùa được xây dựng từ rất sớm mang những nét đặc trưng riêng của khu vực mà hiện nay còn tồn tại (Chùa Ông ở xã Nghĩa Hoà được xây dựng từ năm 1812), có ý nghĩa rất lớn về mặt lịch sử cũng như tôn giáo.

Với sự chiến đấu, hy sinh anh dũng của các anh hùng trong công cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc đã hình thành nên các địa danh như Hang quân giới ở xã Nghĩa Thọ, địa điểm 4 dũng sỹ diệt Mỹ ở xã Nghĩa Hiệp....

1.2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

1.2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Tình hình kinh tế của huyện trong năm qua tăng trưởng chậm lại do ảnh hưởng lớn đến từ tình dịch bệnh và bão lũ xảy ra nên một số chỉ tiêu không đạt Nghị quyết HĐND đề ra.

Tốc độ tăng giá trị sản xuất 9,6%, bằng 58% chỉ tiêu Nghị quyết HĐND huyện giao. Trong đó: công nghiệp, xây dựng tăng 19,3%; thương mại, dịch vụ tăng

Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp, xây dựng chiếm 51,4%; Thương mại, dịch vụ, chiếm 35,7%; Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 12,9%.

1.2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế:

1.2.2.1. Khu vực kinh tế Nông - Lâm nghiệp và Thủy sản:

1. Chỉ số nông, lâm và thủy sản ước tăng 3,7% bằng 102,77% Kế hoạch HĐND huyện giao.

a) Nông nghiệp:

- về trồng trọt:

+ Cây lúa: Diện tích gieo sạ năm 2022 là 7.821,3ha, năng suất bình quân 63,76 tạ/ha, sản lượng 49.865,9 tấn/50.060 tấn đạt 99,61% Kế hoạch HĐND huyện giao.

+ Các loại cây trồng khác ước tính năm 2022 như sau: Cây Ngô: diện tích 1.235ha, năng suất 61,76 tạ/ha, sản lượng 7.627 tấn/7.380 tấn, đạt 103,35%; Cây Mì: diện tích trồng là 800ha, năng suất 22 tấn/ha, sản lượng ước đạt 17.600 tấn/28.000 tấn, đạt 62,86%; Cây lạc diện tích 567ha, năng suất 22,24 tạ/ha, sản lượng đạt 1.261 tấn/1.250 tấn, đạt 100,88% Kế hoạch; Cây đậu các loại: diện tích 240ha, năng suất 19,56 tạ/ha, sản lượng đạt 469,5 tấn/450 tấn, đạt 104,35% Kế hoạch; Cây rau các loại: diện tích 1.350 ha, năng suất 195,65 tạ/ha, sản lượng 26.403,6 tấn/26.325 tấn, đạt 100,30% Kế hoạch HĐND huyện giao.

- về chăn nuôi: Nhìn chung đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định. Ước tính năm 2022, Đàn trâu: 4.642 con/4.750 con, đạt 97,73%; Đàn bò: 23.723 con/24.800 con, đạt 95,66%; Đàn lợn: 87.039 con/85.000 con, đạt 102,40% Kế hoạch HĐND huyện giao. Trên địa bàn huyện có 05 xã, thị trấn (12 thôn, 20 ổ dịch) xảy ra dịch bệnh tả lợn Châu Phi¹ và 11 xã, thị trấn (40 thôn, 118 hộ) xảy ra có viêm da nổi cục ở trâu bò².

b) Lâm nghiệp: Thời tiết trong tháng thuận lợi, người dân đẩy nhanh tiến độ trồng rừng. Diện tích rừng trồng tập trung ước thực hiện 500ha/300ha, đạt 166,67% Kế hoạch HĐND huyện giao.

c) Thủy sản: Xã Nghĩa Hòa và Nghĩa Hiệp đã thả giống nuôi tôm năm 2022 với diện tích thu hoạch 127,25ha/120ha, đạt 106,04%; sản lượng thu hoạch 180 tấn/156 tấn, đạt 115,38% Kế hoạch HĐND huyện giao. Diện tích tôm bị bệnh 37 ha, tỷ lệ tôm chết từ 40-100, có 31 hộ tôm bị bệnh, nguyên nhân tôm bị bệnh virus đốm trắng.

1.2.2.2. Khu vực Công nghiệp – Xây dựng:

- Chỉ số sản xuất công nghiệp, xây dựng ước thực hiện năm 2022 đạt 8,2% bằng 103,40% Kế hoạch HĐND huyện giao.

¹ số lượng lợn tiêu hủy: 109 con, trọng lượng 5.471 Kg

² + Tổng số bò mắc bệnh: 131 con/412con (31,79%);

+ Tổng số bò chết, tiêu hủy: 13 con; trọng lượng 1.729 Kg (9,92%); + Tổng số bò khỏi triệu chứng bệnh: 118 con/131 con (90,08%).

- Đầu tư và xây dựng:

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2022	Ước thanh toán đến 31/12/2022		Ghi chú
			Tổng cộng	Tỷ lệ (%)	
1	2	3	4	5	6
1	Vốn ngân sách tỉnh phân cấp cho ngân sách huyện	25.089,0	25.089,0	100	
2	Vốn ngân sách huyện thu từ quỹ đất	155.064,0	155.064,0	100	
3	Ngân sách huyện từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi	4.200,0	4.200,0	100	
4	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện	43.400,0	43.400,0	100	Bổ sung 23.000 triệu đồng trong tháng 5
5	Vốn ngân sách tỉnh	108.480,0	108.480,0	100	Bổ sung 28,480 triệu đồng trong tháng 8
6	CTMTQG - Xây dựng nông thôn mới - vốn NSTW	5.529,9	5.529,9	100	UBND tỉnh giao kế hoạch vốn trong tháng 8
7	CTMTQG - Xây dựng nông thôn mới - vốn NSDP (tỉnh)	1.956,4	1.956,4	100	
8	CTMTQG - Xây dựng nông thôn mới - vốn NSDP (tỉnh) - Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	1.000,0	1.000,0	100	
9	CTMTQG - Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi - vốn NSTW	1.058,0	1.058,0	100	
	Tổng cộng	345.883,3	345.883,3	100	

1.2.2.3. Khu vực Thương mại - Dịch vụ - Du lịch:

Giá trị thương mại, dịch vụ (giá so sánh năm 2010) ước thực hiện cả năm 5.390 tỷ đồng, tăng 1,4% so với năm trước, đạt 91,1% so với kế hoạch.

Tổng mức lưu chuyển hàng hóa, dịch vụ ước thực hiện cả năm 4.406 tỷ đồng, tăng 5% so với năm trước, đạt 87,4% so với kế hoạch.

1.2.3. Tình hình dân số, lao động, việc làm và an sinh xã hội:

Dân số trung bình huyện Tư Nghĩa là 128.895 người. Dân cư phân bố theo lãnh thổ không đồng đều, mật độ dân số bình quân toàn huyện là 628,76 người/km², đa số tập trung ở vùng đồng bằng.

Tập trung chỉ đạo tổ chức tốt công tác khám, chữa bệnh tại các tuyến và công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn huyện; hướng dẫn cách ly, theo dõi, giám sát đối với người về từ vùng dịch. Triển khai điều trị bệnh nhân nhiễm Covid-19 không có triệu chứng tại nhà. Triển khai phân vùng dịch theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ, Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Thực hiện công tác tiêm chủng, đẩy nhanh tiến độ cập nhật số liệu tiêm chủng trên hệ thống tiêm chủng Quốc gia.

Kết quả hoạt động khám chữa bệnh năm 2022: Tuyến huyện 81.174/87.600 số lần khám bệnh, giảm 18,04% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 92,63% kế hoạch năm; Tuyến xã, thị trấn 96.682/134.644 số lần khám bệnh, tăng 2,69% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 71,81% kế hoạch năm;

Chương trình Vệ sinh an toàn thực phẩm: Kết quả kiểm tra, giám sát cơ sở trên địa bàn toàn huyện: Tuyến huyện: số cơ sở được kiểm tra: 85 cơ sở, đạt tiêu chuẩn vệ sinh: 77 cơ sở, tỷ lệ đạt: 90,5%. Qua kiểm tra có 08 cơ sở vi phạm quy định về việc khám sức khỏe định kỳ và cập nhật kiến thức VSATTP; Tuyến xã: số cơ sở được kiểm tra: 675 cơ sở, đạt tiêu chuẩn vệ sinh: 617 cơ sở, tỷ lệ đạt: 91,41%. Qua kiểm tra có 58 cơ sở vi phạm quy định về việc khám sức khỏe định kỳ và cập nhật kiến thức VSATTP. Trong năm 2022, không có vụ ngộ độc thực phẩm nào xảy ra trên địa bàn huyện.

Thực hiện tốt nhiệm vụ chăm lo Tết cho đối tượng người có công với cách mạng trước, trong và sau Tết Nguyên Đán Nhâm Dần năm 2022; Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, chăm lo đời sống người có công, đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội, giảm nghèo được chỉ đạo và triển khai tốt.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền tuyển dụng lao động từ các doanh nghiệp, rà soát, tổng hợp nhu cầu tìm việc của lao động; phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh mở sàn giao dịch việc làm tại huyện. Ước thực hiện đến nay toàn huyện giải quyết việc làm, tạo việc làm mới cho khoảng 2.138 lao động đạt 71,27% so với chỉ tiêu Nghị quyết HĐND huyện đề ra.

Phối hợp với Quỹ Bảo trợ trẻ em cấp xe đạp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em thuộc hộ cận nghèo, hộ nghèo với 50 chiếc xe đạp do Công ty BHNT AIA tài trợ. Tổ chức thăm và tặng 40 suất quà trợ giúp trẻ em nghèo, trẻ em khuyết tật có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, vượt khó vươn lên trong học tập trên địa bàn huyện.

Tỷ lệ người dân mua BHYT là 89% đạt 96,74% so với Kế hoạch HĐND huyện giao; Tỷ lệ người lao động tham gia BHXH là 20,18% đạt 100,90% Kế hoạch năm.

(Nguồn: Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2022; nhiệm vụ và giải pháp năm 2023)

1.2.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của huyện năm 2022 tiếp tục đạt được nhiều kết quả khả quan: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ước cả năm 8,4% bằng 129,23% Kế hoạch HĐND huyện giao; Chỉ số sản xuất công nghiệp, xây dựng, Chỉ số thương mại, dịch vụ, Chỉ số nông, lâm và thủy sản đều tăng so với cùng kỳ và vượt kế hoạch HĐND huyện giao; nhu cầu thị trường có xu hướng phục hồi nhanh và ổn định; số hộ kinh doanh đăng ký mới tăng 166,67% so với cùng kỳ năm 2021; Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện ước thực hiện năm là 265,457 tỷ đồng đạt 106,18% so với Kế hoạch HĐND huyện giao; thời tiết thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, trồng rừng, khai thác thủy sản. Công tác an sinh, phúc lợi xã hội được quan tâm thực hiện; quốc phòng, an ninh được giữ vững; công tác cải cách hành chính được quan tâm, triển khai thực hiện nghiêm túc; công tác giải quyết đơn thư đạt tỷ lệ cao. Tập trung, quyết tâm cao trong công tác giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm của Trung ương, của tỉnh; xử lý kiên quyết các trường hợp vi phạm về môi trường, khai thác khoáng sản, san lấp đất trái phép, đã chủ động trong công tác triển khai ứng phó phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2022.

1.2.4.1. Một số tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

a) Về lĩnh vực kinh tế

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của huyện trong năm 2022 cũng còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế cụ thể:

- *Thứ nhất*, công tác phối hợp giữa các phòng, ban của huyện với nhau, giữa các ngành của huyện với các Sở ngành của tỉnh và các xã chưa nhịp nhàng, chưa bám sát, chưa chủ động, chưa mạnh dạn trong công tác tham mưu đề xuất UBND huyện chỉ đạo, quyết định một số vấn đề quan trọng có tính cấp bách, phát sinh; còn né tránh trách nhiệm với nhau và chờ chỉ đạo của UBND huyện. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến công tác chỉ đạo, điều hành và tiến độ thực hiện của UBND huyện cũng như việc chấp hành ý kiến chỉ đạo của cấp trên.

- *Thứ hai*, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện dự kiến đạt và vượt chỉ tiêu đề ra, tuy nhiên các khoản thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (*Thuế giá trị gia tăng, thu Lệ phí trước bạ*) đến thời điểm hiện tại tỷ lệ đạt còn thấp; một số kiến nghị của doanh nghiệp chưa được giải quyết dứt điểm và kịp thời; tình hình hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh và giải thể còn nhiều (*tăng*

51,69% so với cùng kỳ năm 2021), công tác giải ngân vốn đầu tư công còn chậm, chưa đảm bảo theo kế hoạch của UBND tỉnh đề ra. Sản xuất nông nghiệp vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, thiếu ổn định do tác động của dịch bệnh và giá cả thị trường. Ngành chăn nuôi gặp nhiều khó khăn do dịch tả lợn Châu Phi, bệnh viêm da nổi cục trên trâu bò vẫn còn xảy ra; dịch sốt xuất huyết bùng phát; dịch Covid 19 vẫn còn ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của người dân cũng như ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

- *Thứ ba*, trên địa bàn huyện cùng một lúc phải tập trung cho nhiều dự án lớn, quan trọng có tính cấp bách của Trung ương, của tỉnh dẫn đến áp lực rất lớn về tiến độ hoàn thành nhiệm vụ được giao như: Dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa; Dự án Di dân, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Tư Nghĩa; Dự án đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1 (đoạn qua huyện Tư Nghĩa); dự án cầu Trà Khúc 3 và các dự án của huyện,... đòi hỏi cả hệ thống chính trị phải tập trung vào cuộc, dành nhiều thời gian và nhân lực để họp, chỉ đạo, triển khai thực hiện.

- *Thứ tư*, công tác quản lý đất đai tại một số địa phương thời gian qua chưa chặt chẽ, chưa quyết liệt trong khâu xử lý vi phạm hành chính.

b) Về lĩnh vực văn hóa, xã hội

- Chất lượng các dịch vụ khám, chữa bệnh chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của người dân.

- Dưới tác động của dịch bệnh Covid-19, các đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo còn gặp nhiều khó khăn hơn, có nguy cơ tái nghèo cao và tăng tỷ lệ hộ nghèo trong thời gian tới.

c) Lĩnh vực nội chính và quốc phòng, an ninh

- Công tác quản lý nhà nước về hoạt động thanh tra chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao; việc phối hợp giữa cơ quan Thanh tra với các cơ quan khác chưa thực sự nhịp nhàng. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo vẫn còn chậm.

- Tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng, ô nhiễm môi trường còn diễn biến phức tạp, kéo dài ở một số địa phương.

1.2.4.2. Nguyên nhân:

a/ Nguyên nhân khách quan:

- Thời tiết diễn biến khó lường, dịch bệnh gia súc như: Tả lợn Châu Phi, bệnh viêm da nổi cục ở trâu bò bùng phát.

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn nhiều vướng mắc (*giá đất tái định cư, giá đất cụ thể*), một số người dân có sự trông chờ việc điều chỉnh chủ trương, so bì, khiếu nại; đây là nguyên nhân cơ bản ảnh hưởng đến chậm tiến độ thi công các dự án trên địa bàn huyện.

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội. Các công trình được dự kiến bố trí từ nguồn thu tiền sử dụng đất nhưng tiến độ thu tiền sử dụng đất chưa đảm bảo nên công tác giải ngân chưa đúng theo kế hoạch.

- Một số quy định của pháp luật còn chông chéo, chưa được sửa đổi kịp thời; điển hình là các luật có liên quan đến đất đai, vấn đề tiếp cận đất đai còn nhiều khó khăn, bất cập là nguyên nhân các nhà đầu tư e ngại, chưa mạnh dạn đề xuất đầu tư.

b/ Nguyên nhân chủ quan:

- Kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số cơ quan, địa phương thực hiện chưa nghiêm; mối quan hệ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương thiếu đồng bộ, chưa nhịp nhàng dẫn đến thực hiện một số nhiệm vụ được giao còn kéo dài, hiệu quả chưa cao; một số cán bộ, công chức, viên chức, chưa chủ động tham mưu, thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Việc chấp hành pháp luật của một số người dân chưa tốt, còn có tình trạng lấn chiếm đất, vi phạm Luật Đất đai; gây khó khăn, cản trở việc thực hiện nhiệm vụ của các cấp.

II. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT (BỔ SUNG)

2.1. Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022, với tổng số công trình là 60 công trình, dự án tương ứng với chỉ tiêu như sau:

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)
	Tổng diện tích tự nhiên		20560,80
1	Đất nông nghiệp	NNP	15322,85
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3875,25
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>3811,52</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4424,09

1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1007,15
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2514,68
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3395,78
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>435,06</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	83,90
1.8	Đất làm muối	LMU	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	22,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4952,55
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	89,49
2.2	Đất an ninh	CAN	11,70
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	18,02
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	118,70
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	20,25
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	60,03
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2246,77
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đất giao thông	DGT	936,20
-	Đất thủy lợi	DTL	477,03
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	4,16
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	9,96
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	88,79

-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	29,49
-	Đất công trình năng lượng	DNL	1,46
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,55
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	
-	Đất có di tích lịch sử - văn hoá	DDT	1,49
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	67,05
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	12,73
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	613,89
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	
-	Đất chợ	DCH	3,96
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	11,54
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	66,02
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1179,85
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	161,45
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,60
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,62
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	9,37
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	907,83
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	34,04
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,32
3	Đất chưa sử dụng	CSD	285,41

2.2. Bổ sung Kế hoạch sử dụng đất 2023 huyện Tư Nghĩa

- Danh mục bổ sung công trình, dự án thu hồi đất năm 2023 huyện Tư Nghĩa: 10 công trình/69,07 ha;
- Danh mục bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2023 huyện Tư Nghĩa: 02 công trình/4,6 ha (đất lúa);
- Danh mục công trình, dự án xin tiếp tục thực hiện năm 2023 huyện Tư Nghĩa: 02 công trình/9,836 ha;
- Danh mục công trình, dự án điều chỉnh thông tin năm 2023 huyện Tư Nghĩa: 01 công trình/1,106 ha;
- Danh mục công trình, dự án xin tiếp tục giao đất trong năm 2023 huyện Tư Nghĩa: 01 công trình/5,58 ha;
- Danh mục công trình, dự án không thuộc khoản 3 Điều 62 Luật đất đai trong năm 2023 huyện Tư Nghĩa: 02/29,99 ha;
- Danh mục công trình, dự án xin đăng ký đấu giá quyền sử dụng đất năm 2023: 04 công trình/10,33 ha.

2.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Nhu cầu sử dụng đất được tổng hợp dựa trên Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 và danh mục công trình dự án bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

2.3.1. Đất nông nghiệp:

Diện tích đất nông nghiệp là 15.255,32 ha, giảm 67,53 ha so với Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022.

- Diện tích đất trồng lúa là 3.824,99 ha, giảm 50,26 ha so với Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022.

- Diện tích đất trồng cây hàng năm là 4.412,19 ha, giảm 11,90 ha so với Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm là 1.006,87 ha, giảm 0,28 ha so với Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022.

- Diện tích đất rừng sản xuất là 3.395,78 ha, giảm 5,09 ha so với Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022.

- Các loại đất còn lại trong nhóm đất nông nghiệp: Diện tích đất không thay đổi so với Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022.

2.3.2. Đất phi nông nghiệp:

Diện tích đất phi nông nghiệp là 5.021,42 ha, tăng 68,87 ha so với Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022.

- Diện tích đất cụm công nghiệp là 26,75 ha, tăng 8,73 ha so với Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 (*Mở rộng cụm công nghiệp La Hà, huyện Tư Nghĩa*).

- Diện tích đất thương mại, dịch vụ là 119,40 ha, tăng 0,70 ha so với Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 (*Đất thương mại, dịch vụ trong các khu dân cư*).

- Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 65,12 ha, tăng 5,09 ha so với Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 (*Mở đá Hòn Gai, Nghĩa Thuận*).

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là 2.271,53 ha, tăng 24,76 ha so với Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022. (*Xây dựng các công trình như: Kè chống sạt lở sông Bàu ráng, đoạn qua thôn Điện An 4, xã Nghĩa Thương, Kè chống sạt lở sông La Châu, xã Nghĩa Trung, Khắc phục sạt lở bờ Bắc sông Cây Bứa ở thôn An Đại 3 và thôn Năng Tây 2 xã Nghĩa Phương, Trạm bơm Điện An 4, xã Nghĩa Thương, Đường từ cầu mương ngang đến Đập Quánh, xã Nghĩa Thương, Mở rộng đường vào di tích Chùa Ông (công trình này phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030. Tuy nhiên, qua khảo sát hiện trạng sử dụng thì có điều chỉnh thiết kế lại cho phù hợp với hiện trạng thực tế, quy chuẩn chuyên ngành nên có một số vị trí thay đổi so với quy hoạch sử dụng đất được duyệt)*).

- Diện tích đất cơ sở tôn giáo là 12,74 ha, tăng 0,01 ha so với Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 (*Mở rộng Thánh xá Nghĩa Mỹ*).

- Diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả tang là 613,56 ha, giảm 0,33 ha so với Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022. Diện tích giảm do thực hiện các công trình như: Khu dân cư dọc đường Cụm Công nghiệp La Hà đi đường ĐH 28; Khu dân cư phía Nam đường cụm CN La Hà-Nghĩa Thương; Đường từ cầu mương ngang đến Đập Quánh, xã Nghĩa Thương; Mở rộng đường vào di tích Chùa Ông; Mở rộng cụm công nghiệp La Hà, huyện Tư Nghĩa).

- Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng là 66,30 ha, tăng 0,28 ha so với Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 (*Xây dựng các khu công viên, cây xanh trong khu dân cư*).

- Diện tích đất ở tại nông thôn là 1.207,62 ha, tăng 27,77 ha so với Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 (*Xây dựng các khu dân cư: Khu dân cư dọc đường Cụm Công nghiệp La Hà đi đường ĐH 28; Các Khu dân cư dọc đường dẫn Cầu Trà Khúc 3; Khu dân cư phía Nam đường cụm CN La Hà-Nghĩa Thương (Khu dân cư Vạn Phúc và Khu dân cư Hưng Thịnh)*).

- Diện tích đất ở tại đô thị là 163,65 ha, tăng 2,20 ha so với Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 (*Khu dân cư dọc đường Cụm Công nghiệp La Hà đi đường ĐH 28*).

- Diện tích đất tín ngưỡng là 9,36 ha, giảm 0,01 ha so với Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022. Diện tích giảm do thực hiện công trình: Đường từ cầu mương ngang đến Đập Quánh, xã Nghĩa Thương.

- Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 907,18 ha, giảm 0,65 ha so với Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022. Diện tích giảm do thực hiện các công trình như: Kè chống sạt lở sông Bàu ráng, đoạn qua thôn Điện An 4, xã Nghĩa Thương, Kè chống sạt lở sông La Châu, xã Nghĩa Trung, Khắc phục sạt lở bờ Bắc sông Cây Bứa ở thôn An Đại 3 và thôn Năng Tây 2 xã Nghĩa Phương, Đường từ cầu mương ngang đến Đập Quánh, xã Nghĩa Thương.

- Các loại đất còn lại trong nhóm đất phi nông nghiệp: Diện tích đất không thay đổi so với Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022.

2.3.3. Đất chưa sử dụng:

Diện tích đất chưa sử dụng: Diện tích đất chưa sử dụng là 284,07 ha giảm 1,34 ha so với Kế hoạch sử dụng đất 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 31/12/2022. Diện tích giảm do thực hiện các công trình như: Mở rộng cụm công nghiệp La Hà, huyện Tư Nghĩa, Khu dân cư dọc đường Cụm Công nghiệp La Hà đi đường ĐH 28, Các Khu dân cư dọc đường dẫn Cầu Trà Khúc 3, Khắc phục sạt lở bờ Bắc sông Cây Bứa ở thôn An Đại 3 và thôn Năng Tây 2 xã Nghĩa Phương.

2.5. Danh mục các công trình, dự án bổ sung trong năm kế hoạch

Danh mục công trình bổ sung thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện Tư Nghĩa, cụ thể như sau:

Danh mục bổ sung công trình, dự án thu hồi đất năm 2023 huyện Tư Nghĩa: 10 công trình/69,07 ha:

- Mở rộng Thánh xá Nghĩa Mỹ với diện tích 0,01 ha tại xã Nghĩa Mỹ;
- Kè chống sạt lở sông Bàu ráng, đoạn qua thôn Điện An 4, xã Nghĩa Thương với diện tích 0,80 ha tại xã Nghĩa Thương;
- Kè chống sạt lở sông La Châu, xã Nghĩa Trung với diện tích 0,20 ha tại xã Nghĩa Trung;
- Khắc phục sạt lở bờ Bắc sông Cây Bứa ở thôn An Đại 3 và thôn Năng Tây 2 xã Nghĩa Phương với diện tích 0,14 ha tại xã Nghĩa Phương;
- Trạm bơm Điện An 4, xã Nghĩa Thương với diện tích 0,45 ha tại xã Nghĩa Thương;
- Đường từ cầu mương ngang đến Đập Quánh, xã Nghĩa Thương với diện tích 2,10 ha tại xã Nghĩa Thương;
- Mở rộng đường vào di tích Chùa Ông với diện tích 2,00 ha tại xã Nghĩa Hòa;
- Khu dân cư dọc đường Cụm Công nghiệp La Hà đi đường ĐH 28 với diện tích 11,70 ha tại xã Nghĩa Thương và TT la Hà;
- Các Khu dân cư dọc đường dẫn Cầu Trà Khúc 3 với diện tích 30,00 ha tại xã Nghĩa Thuận;
- Khu dân cư phía Nam đường cụm CN La Hà-Nghĩa Thương (Khu dân cư Vạn Phúc và Khu dân cư Hưng Thịnh) với diện tích 21,67 ha tại xã Nghĩa Thương.

Danh mục bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2023 huyện Tư Nghĩa: 02 công trình/4,6 ha (đất lúa):

- Khu đô thị mới Nam Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi (đoạn qua địa phận xã Nghĩa Điền) với diện tích đất lúa 4,50 ha tại xã Nghĩa Điền;
- Đường Nghĩa Hòa - Nghĩa Thương (giai đoạn 2) với diện tích đất lúa 0,10 ha tại xã Nghĩa Thương.

Danh mục công trình, dự án xin tiếp tục thực hiện năm 2023 huyện Tư Nghĩa: 02 công trình/9,836 ha:

- Mở rộng cụm công nghiệp La Hà, huyện Tư Nghĩa tại Thị trấn La Hà và xã Nghĩa Thương với diện tích 8,73 ha;
- Khu dân cư xã Nghĩa Thắng (giai đoạn 1), huyện Tư Nghĩa, phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.623B (Quảng Ngãi-Thạch Nham), giai đoạn 2 tại xã Nghĩa Thắng với diện tích 1,106 ha.

Danh mục công trình, dự án điều chỉnh thông tin năm 2023 huyện Tư Nghĩa: 01 công trình/1,106 ha:

- Khu dân cư xã Nghĩa Thắng (giai đoạn 1), huyện Tư Nghĩa, phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.623B (Quảng Ngãi-Thạch Nham), giai đoạn 2 tại xã Nghĩa Thắng với diện tích 1,106 ha: Điều chỉnh diện tích giảm 0,014 ha (còn 1,106ha) để phù hợp với Quyết định số 8625/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư xã Nghĩa Thắng (giai đoạn 1), huyện Tư Nghĩa

Danh mục công trình, dự án xin tiếp tục giao đất trong năm 2023 huyện Tư Nghĩa: 01 công trình/0,20 ha:

- Khu dân cư dọc đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa tại thị trấn La Hà với diện tích xin tiếp tục giao đất 0,20 ha: Lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phần diện tích đất giao thông (taluy đường) thành đất ở đô thị để thực hiện dự án Khu dân cư dọc đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn La Hà.

Danh mục công trình, dự án không thuộc khoản 3 Điều 62 Luật đất đai trong năm 2023 huyện Tư Nghĩa: 02/29,99 ha:

- Mỏ đá An Hội với diện tích 24,90 ha tại xã Nghĩa Kỳ;
- Mỏ đá Hòn Gai với diện tích 5,09 ha tại xã Nghĩa Thuận.

Danh mục công trình, dự án đăng ký bổ sung đấu giá quyền sử dụng đất trong năm 2023 huyện Tư Nghĩa: 04 công trình/10,33 ha.

III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 (BỔ SUNG)

- Các chủ đầu tư của các công trình dự án cần phải bố trí đủ nguồn vốn để bồi thường đất, hỗ trợ, tái định cư.
- Chủ đầu tư của các công trình dự án cần phối hợp chặt chẽ Trung tâm phát triển quỹ đất để thực hiện đo đạc, kiểm đếm tài sản, cây cối, hoa màu trên đất và ứng vốn kịp thời để chi trả các đối tượng bị thu hồi đất.
- Lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất kịp thời cho các chủ đầu tư để kịp thời triển khai thực hiện dự án.
- Xây dựng phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với đất ở để tăng nguồn thu ngân sách.
- Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đất trồng lúa chuyển sang sử dụng vào các mục đích khác theo đúng kế hoạch đã được duyệt; việc sử dụng đất đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, có hiệu quả.
- Trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải gắn lợi ích của Nhà nước - nhà đầu tư - hộ nông dân bị thu hồi đất trên quan điểm cùng có lợi, đảm bảo công bằng xã hội.
- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của Pháp luật.
- Áp dụng các biện pháp cụ thể để quản lý, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất nhằm đảm bảo tính thống nhất, đúng tiến độ và đúng mục đích sử dụng đất được duyệt, khắc phục tình trạng “dự án treo”, sử dụng đất không hiệu quả. Kiên quyết thu hồi đất các dự án không sử dụng, chậm tiến độ, sử dụng sai mục đích theo đúng quy định của Luật đất đai.
- Đôn đốc chủ đầu tư tập trung nguồn nhân lực, vật lực xây dựng công trình, dự án đúng tiến độ sau khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất,...

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Tư Nghĩa được xây dựng trên cơ sở Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa được phê duyệt Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy, có thể đáp ứng đúng, đủ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các cấp, phù hợp với mục tiêu chung về phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, huyện đảm bảo khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên đất đai.

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các phòng ban, các dự án đầu tư, các dự án quy hoạch chuyên ngành và cân đối phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của địa phương đảm bảo chi tiết theo yêu cầu và cụ thể theo từng công trình, từng loại đất. Do được tổng hợp đầy đủ các thông tin từ các cấp, các ngành, các phòng ban, đồng thời cân đối với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, nên hoàn toàn phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế của địa phương và là căn cứ pháp lý để các ngành, các địa phương trên địa bàn huyện thực hiện các công trình dự án theo quy định.

2. KIẾN NGHỊ

Để thực hiện đạt kết quả tốt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện, đáp ứng kịp thời cho nhu cầu quản lý, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, UBND huyện Tư Nghĩa kính đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 nhằm đưa công tác quản lý và sử dụng đất của địa phương ngày càng tốt hơn./.